

Bản án số: 77/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 05-9-2024
V/v ly hôn và tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ TÚ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Hồng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Kiệt.

Ông Lê Hoàng Diệt.

- Thư ký phiên Tòa: Bà Trương Thị Anh Thư là thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Tú tham gia phiên tòa: Bà Triệu Thị Mộng Lý – Kiểm sát viên.

Trong ngày 05 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 179/2024/TLST-HNGĐ, ngày 01 tháng 7 năm 2024 về ly hôn và tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 173/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị L; Địa chỉ: ấp P, xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng; Chỗ ở hiện nay: ấp M, xã T, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

- Bị đơn: Anh Phạm Triều L; Địa chỉ: ấp P, xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 20 tháng 6 năm 2024 cũng như trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L và anh Phạm Triều L có tổ chức tiệc cưới vào năm 2013 và đến năm 2016 anh chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ Phước, huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng. Hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị L và anh Phạm Triều L là hôn nhân tự nguyện, anh chị tìm hiểu

nhau một thời gian thì đi đến hôn nhân, sau khi cưới anh chị sống tại ấp P, xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. Vợ chồng anh chị chung sống với nhau được một thời gian thì đến ngày 22/10/2021 thì giữa anh chị bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau, làm cho cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, anh chị đã nhiều lần hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không được và anh chị đã sống ly thân từ ngày 22 tháng 10 năm 2021 cho đến nay.

Về con chung: Chị L tự khai trong thời gian chung sống, chị L và anh L có 01 (một) người con chung là Phạm Ngọc L (Nữ, sinh ngày 30/12/2014), hiện cháu L đang sống với anh L tại địa chỉ ấp P, xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. Sau khi ly hôn chị L đồng ý giao cháu L cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu L đủ 18 (mười tám) tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Nguyễn Thị L không cấp dưỡng nuôi cháu Phạm Ngọc L (Nữ, sinh ngày 30/12/2014).

Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị L tự khai không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Đối với bị đơn anh Phạm Triều L: Sau khi thụ lý, Tòa án đã tóm tắt nội dung đơn khởi kiện và các yêu cầu của nguyên đơn chị Nguyễn Thị L tại Thông báo thụ lý vụ án số: 301/TB-TLVA, ngày 01 tháng 7 năm 2024 và đã tổng đạt hợp lệ cho bị đơn anh Phạm Triều L, cũng như đã triệu tập hợp lệ anh L đến dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải hai lần nhưng anh L đều không đến dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Sau đó Tòa án đã Thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho anh L nhưng anh L không gửi văn bản ghi ý kiến của anh L đối với yêu cầu khởi kiện nêu trên của chị Nguyễn Thị L.

Tại Biên bản ghi ý kiến nguyện vọng của cháu Phạm Ngọc Lập ngày 02 tháng 8 năm 2024, cháu L trình bày: Hiện nay cháu đang sống với cha và ông bà nội tại địa chỉ ấp P, xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng, hiện nay các cháu đang sống với cha rất tốt, do đó cháu yêu cầu được tiếp tục sống với cha là Phạm Triều L.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng trình bày ý kiến như sau:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã tiến hành các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự như: Xác định đúng thẩm quyền thụ lý vụ án, quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của các đương sự, việc thu thập chứng cứ đúng theo quy định. Về thời hạn chuẩn bị xét xử được đảm bảo theo quy định. Về thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu,

việc cấp tổng đạt đảm bảo đúng theo quy định. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về phiên tòa sơ thẩm.

Về nội dung vụ án: Xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị L là có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về sự có mặt, vắng mặt của những người tham gia tố tụng:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị L vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 23 tháng 8 năm 2024); Bị đơn anh Phạm Triều L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần nhưng cả hai lần đều vắng mặt không lý do. Do đó, căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 1,3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án.

[2] Về thủ tục thụ lý việc khởi kiện của nguyên đơn: Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng nhận được đơn yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị L cùng tài liệu, chứng cứ kèm theo do nguyên đơn chị Nguyễn Thị L nộp trực tiếp tại Tòa án. Ngay sau khi nhận được đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ kèm theo, Tòa án thực hiện thủ tục nhận, xử lý đơn khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị L và thụ lý vụ án đúng quy định tại Điều 191 và Điều 195 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị L yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, tranh chấp nuôi con giữa nguyên đơn chị Nguyễn Thị L và bị đơn anh Phạm Triều L, có nơi cư trú tại ấp P, xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử xác định việc Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng thụ lý, giải quyết vụ án theo trình tự sơ thẩm là đúng quy định của pháp luật về thẩm quyền giải quyết vụ án.

[4] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L và anh Phạm Triều L xác lập quan hệ vợ chồng trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và có đủ điều kiện kết hôn. Do đó việc chị Nguyễn Thị L và anh Phạm Triều L tiến đến hôn nhân và được Ủy ban nhân dân xã Mỹ Phước, huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 08 tháng 4 năm 2016 là hoàn toàn đúng theo đúng quy định pháp luật cho nên được pháp luật công nhận đây là hôn nhân hợp pháp và cần giải quyết hậu quả phát sinh từ cuộc hôn nhân này.

Trong quá trình chung sống theo chị L trình bày do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã và không tìm được tiếng nói chung trong đời sống hôn nhân, anh L không quan tâm chăm sóc cho gia đình. Chị L và anh L đã sống ly thân từ năm 2021 đến nay, khi xảy ra mâu thuẫn chị L và anh L đã nhiều lần hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không được và vợ chồng tiếp tục xảy ra

mâu thuẫn. Hiện nay chị L và anh Lkhông còn chung sống với nhau như vợ chồng, anh chị đều có công việc riêng và có cuộc sống riêng không ai quan tâm, chăm sóc cho ai. Theo đơn khởi kiện cũng như trong quá trình giải quyết vụ án chị L vẫn cương quyết xin ly hôn với anh Phạm Triều L.

Hội đồng xét xử xét thấy theo quy định tại Khoản 1 Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 “*vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình*”. Đối chiếu với quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh L thì hiện nay, chị L, anh L sống ly thân, mỗi người đều có cuộc sống riêng. Do đó, Hội đồng xét xử thấy rằng thực trạng mâu thuẫn giữa chị L và anh L đã đến mức trầm trọng, hiện nay anh chị không còn sống chung với nhau như vợ chồng, anh chị không còn thương yêu và chăm sóc lẫn nhau, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị L.

[5] Về con chung: Xét yêu cầu của chị Nguyễn Thị L tiếp giao con chung tên Phạm Ngọc L (Nữ, sinh ngày 30/12/2014) cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng, cho đến khi cháu L đủ 18 (mười tám) tuổi. Hội đồng xét xử thấy, khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 có quy định: “*Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con*”. Thấy rằng, từ khi chị L và anh L sống ly thân thì anh L là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu L thì cháu L được đi học, về tâm sinh lý phát triển bình thường.

Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử thấy rằng nhằm để đảm bảo sự phát triển lành mạnh về thể chất, ổn định cuộc sống cũng như tâm sinh lý của cháu Phạm Ngọc L nên việc giao cháu Phạm Ngọc L cho anh Phạm Triều L trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Do đó, căn cứ vào các Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử tiếp tục giao cháu Phạm Ngọc L cho anh L tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu L đủ 18 (mười tám) tuổi. Chị Nguyễn Thị L được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở chị L thực hiện quyền này, theo quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[6] Về cấp dưỡng nuôi con: Khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: “*Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con*”. Đáng lẽ ra, chị L là người không trực tiếp nuôi con thì phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, nhưng trong quá trình giải quyết vụ án anh L không có văn bản ý kiến về vấn đề cấp dưỡng nuôi con. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị L tự khai không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét.

[8] Về nợ chung: Chị Nguyễn Thị L tự khai không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét.

[9] Xét đề nghị của Kiểm sát viên như đã nhận định nêu trên là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Về án phí: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1,3 Điều 228; Điều 266; Điều 271; Điều 273; Điều 278; Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số: 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16 tháng 5 năm 2024 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị L.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L được ly hôn với anh Phạm Triều L.

2. Về con chung:

2.1 Giao con chung tên Phạm Ngọc L(Nữ, sinh ngày 30/12/2014) cho anh Phạm Triều L trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu Phạm Ngọc L(Nữ, sinh ngày 30/12/2014) đủ 18 (mười tám) tuổi.

2.2 Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Nguyễn Thị L không cấp dưỡng nuôi Phạm Ngọc L(Nữ, sinh ngày 30/12/2014).

2.3 Sau khi ly hôn, chị Nguyễn Thị L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung tên Phạm Ngọc L(Nữ, sinh ngày 30/12/2014), anh Phạm Triều L cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở. Chị Nguyễn Thị L không được lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung theo quy định tại

Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

3. Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị L tự khai không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Về nợ chung: Chị Nguyễn Thị L tự khai không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005698 ngày 01 tháng 7 năm 2024, chị Nguyễn Thị L đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

5. Nguyên đơn; bị đơn có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung), thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận

- Các đương sự;
- VKSND huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng;
- Chi cục THADS huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng;
- TAND tỉnh Sóc Trăng (Phòng KTNV&THA);
- UBND xã Mỹ Phước, huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thu Hồng

